

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 19 - 01 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Y Míp Niê

2. Bà: Nguyễn Thị Chinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm Sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ dân sự lý số 139/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐHPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử số 01/2020/TB-TA ngày 04/01/2020 giữa các đương sự giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 L, quận B, thành phố H.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn T - Chức vụ: Giám đốc A (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V – Sinh năm: 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Cảnh Thùy T - Sinh năm: 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày: Vào ngày 27/12/2017, do cần tiền đầu tư chi phí cố định, trồng mới hồ tiêu, nên bà Nguyễn Thị V có đến Ngân hàng N để vay vốn. Sau khi kiểm tra tính pháp lý đối với hồ sơ vay, N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5227LA V2017 02893, ngày 27/12/2017 cho

bà V vay số tiền là 450.000.000 đồng. Thời hạn vay là 24 tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/12/2019; lãi suất là 12%/năm. Ngân hàng N đã giải ngân toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho bà V.

Đến ngày 26/12/2018, bà Nguyễn Thị V tiếp tục đến Ngân hàng N để vay vốn và ngân hàng với bà Vân đã tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5227LA V201802880, ngày 26/12/2018 để vay thêm số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay là trồng cây lâu năm. Thời hạn vay số tiền này là 12 tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/12/2019; lãi suất là 10.5%/năm. Sau đó, Ngân hàng N đã giải ngân toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho cho bà Vân.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà V có thể chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BQ 834543, có diện tích 18.897,4m², thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 12, mang tên hộ bà Nguyễn Thị V.

Từ khi vay cho đến nay, bà V mới trả cho ngân hàng một phần tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Đến ngày 29/6/2020, sau khi tính toán số tiền gốc và lãi thì bà V còn nợ ngân hàng số tiền 460.422.196 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn một trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, tiền gốc: 422.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 25.910.274 đồng; tiền lãi quá hạn 12.511.922 đồng. Do đó, việc Ngân hàng N khởi kiện buộc bà V phải trả cho ngân hàng số tiền gốc còn lại và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngày sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Thị V để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Tôi thừa nhận, ngày 27/12/2017, do cần tiền để sản xuất nông nghiệp và trồng mới hồ tiêu nên tôi (Nguyễn Thị V) có đến Ngân hàng N ông để vay vốn. Sau khi kiểm tra tính pháp lý đối với hồ sơ vay, Ngân hàng N và tôi đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5227LA V2017 02893, ngày 27/12/2017. Để bảo đảm cho khoản vay trên, tôi có thể chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BQ 834543, có diện tích 18.897,4m², thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 12, mang tên hộ bà Nguyễn Thị V để vay số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Đồng thời, giữa các bên có thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất. Khi vay tôi và ngân hàng thống nhất thời hạn vay là 24 tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/12/2019; lãi suất là 12%/năm. Sau khi các bên thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng N đã giải ngân toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho tôi.

Do số tiền đó không đủ để phục vụ cho việc sản xuất và mua sắm thiết bị cho việc sản xuất nên vào ngày 26/12/2018, tôi (Nguyễn Thị V) tiếp tục đến Ngân hàng N để vay vốn. Được sự đồng ý của ngân hàng, tôi và ngân hàng đã tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5227LA V201802880, ngày 26/12/2018 để vay thêm số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay tôi và ngân hàng thống nhất thời hạn vay số tiền này là 12 tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/12/2019; lãi suất là 10.5%/năm. Sau đó, Ngân hàng N đã giải ngân toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho tôi.

Từ khi vay cho đến nay, tôi đã cho ngân hàng một phần khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Đến ngày 29/6/2020, sau khi tính toán số tiền gốc và lãi thì tôi còn nợ ngân

hàng số tiền 460.422.196 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn một trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, tiền gốc: 422.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 25.910.274 đồng; tiền lãi quá hạn 12.511.922 đồng. Do đó, việc Ngân hàng N khởi kiện số tiền gốc, tiền lãi như trên là đúng nên tôi không có ý kiến gì thêm.

Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế hiện nay khó khăn nên tôi chưa trả được cho ngân hàng, tôi sẽ trả toàn bộ khoản nợ trên cho ngân hàng. Trong trường hợp, tôi không trả được nợ thì tôi đồng ý giao tài sản bảo đảm để ngân hàng xử lý nợ.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Căn cứ hồ sơ, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V đơn phải trả số nợ đã vay theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Xét thấy bà Lê Cảnh Thùy Trang được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt do vậy HĐXX xét xử vắng mặt bà Lê Cảnh Thùy T là phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo nguyên đơn trình bày và cung cấp các tài liệu, chứng cứ, giữa Ngân hàng N và bà Nguyễn Thị V có ký kết hợp đồng vay vốn. Cụ thể số tiền bà Nguyễn Thị V đã vay và đã được Ngân hàng giải ngân là 600.000.000 đồng; thời hạn cho vay khoản 450.000.000 đồng là 24 tháng, khoản vay 150.000.000 đồng là 12 tháng. Các bên có thỏa thuận lãi suất vay là: 12% năm và 10.5% năm Hình thức trả nợ các bên thỏa thuận trả nợ gốc và nợ lãi là ngày cuối cùng của hợp đồng tín dụng và cho đến nay bà Vân chưa trả được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà Nguyễn Thị V thanh toán số tiền 422.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ.

[3] Về nội dung tranh chấp: Về giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Ngân hàng N và bà Nguyễn Thị V là giao dịch hợp đồng vay tài sản. Giao dịch này được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, không lừa dối, ép buộc, không trái với đạo đức của xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần được pháp luật bảo vệ. Bà Nguyễn Thị V thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng hiện còn nợ 422.000.000 đồng nợ gốc và lãi chưa trả. Do bà Nguyễn Thị V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V trả số tiền nợ gốc là 422.000.000 và nợ lãi là 78.716.973 theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử (ngày 19/01/2021) là phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự.

Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 500.716.973 đồng nợ gốc và nợ lãi

tính đến ngày xét xử ngày 19/01/2021 và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị V không trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp của bà Nguyễn Thị V để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản mà vẫn không đảm bảo cho khoản vay thì bà Nguyễn Thị V vẫn tiếp tục phải trả hết nợ cho ngân hàng. Sau khi bà Nguyễn Thị V thanh toán xong số tiền đã vay thì ngân hàng có nghĩa vụ giao lại tài sản mà bà V đã thế chấp cho ngân hàng.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

2. Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 500.716.973 đồng (trong đó 422.000.000 đồng tiền gốc, 78.716.973 đồng tiền lãi đến ngày xét xử ngày 19/01/2021) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5227LA V201702893 và hợp đồng tín dụng số 5227LA V201802880 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị V không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC: 5227LCP201600154/HĐTC để thu hồi nợ theo quy định.

Sau khi bà Nguyễn Thị V thanh toán xong nợ thì ngân hàng Ngân hàng N có nghĩa vụ phải giao lại tài sản cho bà Nguyễn Thị V đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC: 5227LCP201600154/HĐTC.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị V phải chịu 24.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 11.208.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2019/0009265 ngày 10/7/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Thuận